

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----\*-----

Bản án số: **67/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 07/5/2021

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- *Thương nghị phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An.*

**- *Các Hội thẩm nhân dân:***

**1. Ông Huỳnh Thanh Minh.**

**2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Hà.**

*- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.*

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 487/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 19xx (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn Y, huyện Đ, tỉnh TG.

- Bị đơn: **Võ Văn T**, sinh năm 19xxx (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn Y, huyện Đ, tỉnh TG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh T tiến đến hôn nhân năm 2006, đến năm 2012 thì ly hôn theo Bản án số 140/2012/HNGĐ-ST ngày 18/7/2012. Sau đó, đến ngày 07/12/2012 chị và anh T đăng ký kết hôn lại tại UBND thị trấn Y. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T có quan hệ tình cảm, bỏ đi chung sống với với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay nay, không gặp nhau trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.*

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị H, sinh ngày xx/xx/xxxx và Võ Thành P, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện nay, các con đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H và cháu P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi

con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

\* Bị đơn anh Võ Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, chị Th được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao chị Th tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thành P, sinh ngày xx/xx/xxxx; đối với con chung tên Võ Thị H, sinh ngày xx/xx/xxxx đã giao cho chị Th nuôi dưỡng theo Bản án số 140/2012/HNGĐ-ST ngày 18/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông nên không xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân dân thị trấn Y cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 07/12/2012 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 24/3/2021, chị Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị Th.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th yêu cầu được ly hôn với anh T do anh T có quan hệ tình cảm, bỏ đi chung sống với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay, không gặp nhau trao đổi hàn gắn tình cảm và chị Th không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Hơn nữa, từ khi chị Th xin ly hôn, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa để trình bày ý kiến, chứng tỏ anh T muốn bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không còn thiết tha hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị Th và anh T có 02 con chung tên Võ Thị H, sinh ngày xx/xx/xxxx và Võ Thành P, sinh ngày xx/xx/xxxx, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Th và cháu P. Xét thấy, từ khi vợ chồng chị Th ly thân đến nay, cháu P sống với chị Th đã ổn định, được chăm sóc chu đáo, đảm bảo cho sự phát triển

của cháu và anh T cũng không đến Tòa trình bày ý kiến về con chung. Do đó, yêu cầu của chị Th là có cơ sở, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu P cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đối với cháu Võ Thị H, sinh ngày xx/xx/xxxx đã giao cho chị Th nuôi dưỡng theo Bản án số 140/2012/HNGĐ-ST ngày 18/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\*Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th.

+ Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về con chung: Giao chị Th tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thành P, sinh ngày xx/xx/xxxx. Chị Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0018345 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Như vậy, chị Th đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm.

**\*Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD;
- CCTHADS huyện GCD;
- UBND TTY;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Thúy An**